TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **284**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 9 - 2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ma Thị Như Trang
2. Ông Nguyễn Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang* tham gia phiên tòa:** Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04/3/2022 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Phương U, sinh năm 1984.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.
Nơi tạm trú: 108/5 khu phố Q, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.
2. Bị đơn: Anh Lê Thanh X (Lê Thanh S), sinh năm 1984.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố P, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định.
Nơi tạm trú: Thôn M, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
(*Nguyên đơn chị Trần Thị Phương U có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Phương U trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) kết hôn với nhau từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng

ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 26/9/2014. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chuyển đi sinh sống cùng nhau tại tỉnh Bình Dương để làm công nhân. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể hàn gắn, vợ chồng sống ly thân đã lâu không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành, xây dựng hạnh phúc gia đình nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thanh X (Lê Thanh S). Chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương giải quyết tuy nhiên sau khi Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương thụ lý vụ án thì anh Xự lại chuyển ra thôn M, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang chung sống với người phụ nữ khác. Vì vậy Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang giải quyết theo thẩm quyền.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) có 01 con chung là cháu Lê Quốc F, sinh ngày 20/12/2014, kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu F vẫn ở với chị U. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quốc F và không yêu cầu anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản, đất đai chung; không vay nợ của ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Phương U.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại công an xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang thể hiện anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) sinh năm 1984 đăng ký tạm trú tại thôn M, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, thời hạn từ ngày 28/11/2021 đến ngày 26/11/2023.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành niêm yết các thông báo, giấy triệu tập anh X đến làm việc, tuy nhiên anh X không đến Tòa án làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị Phương U thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Phương U:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Phương U được ly hôn với anh Lê Thanh X (Lê Thanh S).

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Quốc F, sinh ngày 20/12/2014 cho chị Trần Thị Phương U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Phương U không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Trần Thị Phương U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Thanh X (Lê Thanh S), do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) có hộ khẩu thường trú tại khu phố P, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định, đăng ký tạm trú tại thôn M, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương cho thấy bị đơn anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) có hộ khẩu thường trú tại Khu phố P, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định, đăng ký tạm trú tại thôn M, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn chị Trần Thị Phương U đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn anh Lê Thanh X (Lê Thanh S). Tòa án đã tiến hành tống đạt (niêm yết) hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh X đã biết được việc chị U khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh X không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng,

không có ý kiến đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh X đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che dấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Phương U có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Phương U thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Phương U và anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) kết hôn với nhau từ năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn và đăng ký kết hôn tại uỷ ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 26/9/2014. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chuyển về sinh sống cùng nhau tại tỉnh Bình Dương làm công nhân. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể hàn gắn, vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành, xây dựng hạnh phúc gia đình nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh X. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Phương U và anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) đã đến mức độ trầm trọng, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm gì đến nhau không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Trần Thị Phương U được ly hôn với anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống chị Trần Thị Phương U và anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) có 01 con chung là cháu Lê Quốc F, sinh ngày 20/12/2014, kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu F vẫn ở với chị U. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quốc F và không yêu cầu anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Ngoài ra, cháu Lê Quốc F cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Anh X cũng đã bỏ đi làm ăn xa không chung sống, không quan tâm gì đến mẹ con chị. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển, học hành ổn định của con chung, HĐXX thấy rằng cần giao cháu Lê Quốc F cho chị Trần Thị Phương U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) không phải thực hiện nghĩa cấp

dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Phương U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Trần Thị Phương U phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Phương U.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Phương U được ly hôn với anh Lê Thanh X (Lê Thanh S).

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quốc F, sinh ngày 20/12/2014 cho chị Trần Thị Phương U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Phương U phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai số 0049587, ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện thành phố D, tỉnh Bình Dương. Ghi nhận chị Trần Thị Phương U đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị Phương U và bị đơn anh Lê Thanh X (Lê Thanh S) được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Chi cục THADS thành phố D, tỉnh Bình

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương;
- UBND H, huyện B, tỉnh Bình Thuận (Giấy chứng nhận kết hôn số 56, ngày 26/9/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

Lương Hữu San